UBND HUYỆN ĐĂK SONG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO                  Độc- lập Tự do- Hạnh phúc**

Số: 88a /KHGD-THĐ                                 *Đức An, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**I. CĂN CỨ XÂY DỤNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ công văn 2345/BGD&ĐT – GDTH,ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường;

Căn cứ công văn 426 của PGP &ĐT ngày 07 tháng 07 năm 2021 “*về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường Tiểu học”;*

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ- UBND, ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về “*Quyết điịnh ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên”*

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và tình hình thực tế của nhà trường, địa phương. Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 với những nội dung cụ thể như sau:

**II. BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG**

**II. Bối cảnh bên trong:**

**1. Điểm mạnh:**

- Về tổ chức:

Năm học 2023-2024, nhà trường có Chi ủy chi bộ với 10 đảng viên, tổ chức lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong nhà trường. Hội đồng trường 07 người, do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, trực tiếp phê duyệt, Ban hành các nghị quyết về chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường. Các đoàn thể, công đoàn, chi đoàn, Liên đội phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị và đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

+ Có đủ cán bộ quản lí theo quy định trường hạng II, gồm 02 người, 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng. Cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn và khả năng quản lí, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn: 02/02 đạt trình độ đại học, trung cấp lí luận chính trị, bồi dưỡng quản lí nhà nước về giáo dục, được đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng loại Tốt;

+ Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn 79,1% ( đại học 19/24), trình độ trung cấp lí luận chính trị: 02, trình độ ngoại ngữ: 19/19 đạt chứng chỉ B hoặc khung bậc 2 (A2) trở lên; công nghệ thông tin: 19/19 có chứng nhận Công nghệ Thông tin cơ bản hoặc trình độ ứng dụng B.

Năm học 2022-2023, có 19/19 giáo viên đạt loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp. Đa số có tinh thần trách nhiệm trong công tác, có 02 GV chủ nhiệm giỏi cấp huyện, 03 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên viết chữ đẹp cấp huyện.

+ Đội ngũ giáo viên đạt tỉ lệ 1,38 (18 giáo viên/13 lớp), trong đó 13 giáo viên chủ nhiệm, 01 giáo viên Âm nhạc kiêm TPT Đội, (chỉ dạy 8 tiết/tuần), 01 giáo viên Tin học, 01 giáo viên Tiếng Anh, 1 giáo viên TD

* Về học sinh:

+ Tỉ lệ học sinh là người Kinh chiếm 95,2%, không có học sinh dân tộc thiểu số tại chỗ thuận lợi trong quá trình tổ chức dạy học do các em không gặp khó khăn về ngôn ngữ. Cụ thể: Tổng số học sinh là 448 em, 223 nữ, 23 dân tộc thiểu số (08 nữ), HSKT 03 em.

+ Đa số học sinh ngoan, lễ phép, có ý thức trong học tập, có đủ sách vở, đồ dùng học tập khi đến lớp.

+ Tỉ lệ trung bình học sinh/lớp vừa phải, đạt 34,4 học sinh/lớp (448/13lớp).Trong đó:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Số lớp** | **TS học sinh** | **Nữ** | **Dân tộc TS** | **Nữ DTTS** | **KT** |
| **1** | 3 | 107 | 53 | 05 | 03 | 0 |
| **2** | 2 | 73 | 37 | 03 | 0 | 01 |
| **3** | 3 | 93 | 49 | 06 | 03 | 02 |
| **4** | 2 | 81 | 39 | 03 | 01 | 0 |
| **5** | 3 | 94 | 45 | 06 | 01 | 0 |
| **Tổng trường** | **13** | **448** | **222** | **23** | **08** | **03** |

- Về hệ thống cơ sở vật chất:

+ Có đủ khối phòng hành chính, gồm: Nhà hiệu bộ với diện tích 198m2 với 01 phòng họp, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hoạt động Đội; khu nhà công vụ 04 phòng, diện tích 160m2, trong đó có 02 phòng được sử dụng làm các phòng hành chính (01 phòng y tế, 01 phòng kế toán), 01 phòng thiết bị

+ Đủ tỉ lệ phòng học cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đạt tỉ lệ 1 phòng/1 lớp với đủ bàn ghế, bảng, hệ thống điện, quạt, tủ; tỉ lệ 0,84 phòng/lớp

+ Khối công trình phụ trợ đảm bảo cho các hoạt động cơ bản, tối thiểu, gồm: nhà vệ sinh học sinh 35 m2 chia đều cho khu vệ sinh cho nam và nữ; nhà vệ sinh giáo viên diện tích 24,3m2 chia đều khu cho nam và nữ; nhà xe giáo viên diện tích 41,6m2, nhà xe HS diện tích 47,6 m2; nhà bảo vệ diện tích 9m2;

+ Diện tích sân chơi rộng, đã được lát bê tông, có đủ diện tích bóng mát cho học sinh vui chơi (Sân chơi 2000m2, tỉ lệ cây xanh bao phủ 40%) ;

+ Đảm bảo tối thiểu về thiết bị máy văn phòng, thiết bị dạy học, gồm: 03 máy tính (có 02 máy đã qua sử dụng nhiều năm) 04 máy in, 01 máy photocoppy; thiết bị dạy học đủ mỗi khối lớp 01 bộ cho từng môn học và một số trang thiết bị cơ bản dành cho công tác văn phòng, quản lí và giảng dạy;

+ Có tủ sách nghiệp vụ với 15 bộ (sách thiết kế bài giảng, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng) dành cho giáo viên các khối lớp 1-5 (mỗi khối 3 bộ); 18 bộ sách học sinh các khối lớp 1-5.

 + Nguồn lực tài chính: Ngoài nguồn chi thường xuyên trong năm từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động của nhà trường, nhà trường cũng đã huy động tài trợ từ nhân dân để đầu tư thêm về cơ sở vật chất cũng như tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào cho học sinh.

- Về truyền thống: Nhà trường có tập thể đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, cùng giúp nhau tiến bộ. Thành lập từ năm học 2017-2018, đến nay trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

- Quản lí chuyên môn:

+ Tổ chức thực hiện đúng chương trình chuẩn kiến thức kĩ năng theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 về Ban hành Quy định Chương trình giáo dục phổ thông, tích hợp giáo dục các nội dung, chương trình Tiếng Việt Công nghệ 1 do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định, thực hiện quy chế chuyên môn do Phòng Giáo dục & Đào tạo quy đinh.

+ Bố trí chuyên môn phù hợp trình độ tay nghề của giáo viên, tổ chức, đôn đốc sát sao việc chấp hành ngày giờ công.

+ Tổ chức khá tốt các hoạt động kiểm tra nội bộ, các hội thi, hội giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực nghề nghiệp cho giáo viên

+ Đã và đang áp dụng các thành tố tích cực của mô hình trường học mới, các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy. Tổ chức hoạt động dạy học theo hướng cá thể hóa, phát huy năng lực, phẩm chất người học.

* Về chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

- Chất lượng:

\* Chất lượng giáo giáo dục đại trà

+ Huy động trẻ đúng độ tuổi ra lớp đạt tỉ lệ 100%

+ Có 430/440 học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 97,7% vượt 2,7.3% so với chỉ tiêu đầu năm đề ra;

+ 98/98 em học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt ti lệ 100%

+ Khen thưởng 210 em đạt 47,7 %, vượt chỉ tiêu 7,7 % (chỉ tiêu đưa ra 40%) trong đó xuất sắc 53 em đạt 12 %, từng mặt đạt 157 em, đạt 35,68 %;

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 97/97 đạt 100%.

\* Chất lượng mũi nhọn và tham gia phong trào và các cuộc thi.

Tổ chức Hội thi chữ viết đẹp cấp trường và tham gia Hội thi cấp huyện:

+ Về giáo viên có 04/04 giáo viên tham gia Hội thi. Kết quả có 04/04 giáo viên được công nhận giáo viên chữ viết đẹp cấp trường, trong đó có 01 giải Nhất, 01 giản Nhì, 01 giải Ba, 01 Khuyến khích đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Về học sinh: Có 34/55 em được công nhận viết chữ đẹp, đạt tỷ lệ 61,8%. Trong đó có:

+ Giải Nhất: 05 em đạt giải Nhất ; Giải Nhì 05 em ; Giải Ba 05 em; Giải KK: 07 em

Tham gia hội thi chữ viết đẹp cấp huyện

+ Về giáo viên

Tham gia giáo viên viết chữ đẹp cấp huyện có 04/04 giáo viên được công nhận vượt chỉ tiêu 02 đồng chí (*chỉ tiêu đầu năm học 02 đồng chí*);

Tham gia Hội thi GVTPT Đội giỏi cấp huyện có 01 GV được công nhận

+ Về học sinh:

+ Có 24/25 em học sinh được công nhận học sinh Viết chữ đẹp cấp huyện

+ Tham gia thi IOE có 10 em tham gia và đạt điểm cao vòng thi cấp tỉnh; 01 em tham gia và đạt thành tích cao vòng thi Quốc gia.

+ Tham gia thi Vyolimpic có 05 em đạt điểm cao và đuuợc Ban tổ chức cấp giấy chưng nhận cấp tỉnh.

+ Tham gia giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện có 02/03 giáo viên được công nhận ( 01 giáo viên không thực hiện hết các vòng thi vì lí do cá nhân)

+ Hội thi giáo viên giỏi cấp trường có 04 giáo viên tham gia và được công nhận. Có 02 giáo viên đạt giải, trong đó có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì.

+ Tham gia cuộc thi sáng tạo dành cho TTNHĐ có 02/02 sản phẩm tham gia dự thi đạt giải, trong đó có 01 sản phẩm đạt giải Ba và 01 sản phẩm đạt giải Khuyến khích. Có 02/02 sản phẩm được tham gia dự thi cấp tỉnh.

+ Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn học tập, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

**2.Điểm yếu:**

- Đội ngũ:

+ Trường không có nhân viên thiết bị, thư viện, giáo viên Tin học phải kiêm nhiệm phụ trách hoạt động thư viện,

+ Tỉ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn còn cao (23.5%), trong đó: trung cấp 02, cao đẳng 03; Thiếu giáo viên chuyên ngành (Mĩ thuật);

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học, việc cập nhật kiến thức trên các lĩnh vực của cán bộ quản lí, giáo viên còn hạn chế.

+ Tỉ lệ học sinh ở các khối lớp không đồng đều .

+ Học sinh phân bố ở nhiều địa bàn dân cư. Nhiều em sống cách trường trên 4 km, điều kiện gia đình khó khăn, ít được sự quan tâm, chăm lo việc học.

- Cơ sở vật chất: Một số thiết bị máy văn phòng cũ, thường xuyên bị hỏng ảnh hưởng đến tiến độ xử lí công việc. Chất lượng sân chơi, bãi tập chưa đảm bảo, bị bong tróc, thiếu an toàn.

- Chất lượng học sinh:

+ Số lượng học sinh hoàn thành tốt các môn học và hoạt động giáo dục chưa cao.

+ Nhiều học sinh thiếu kĩ năng sống, khả năng giao tiếp hạn chế.

+ Tỉ lệ học sinh thuộc dạng khó khăn về học còn cao.

+ HS đạt các thành tích trong các phong trào còn thấp

**3. Định hướng cụ thể trong xây dựng kế hoạch giáo dục**

Tổ chức lớp học, phân công giáo viên và xây dựng bộ máy tổ chức theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh khối lớp 1,2 3 và 4. Đối với khối 3, 4 với thời lượng 9 buổi/tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết; Khối 1,2 thực hiện 7 buổi/ tuần. Bên cạnh môn học tự chọn, nhà trường tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Ngoài các tiết trải nghiệm hàng tuần như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể lớp, mỗi tháng sẽ tổ chức một buổi trải nghiệm theo chủ điểm hàng tháng.

Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề, chuyên đề, dạy học trải nghiệm…

Hàng tuần dành 01 buổi để sinh hoạt chuyên môn và họp hội đồng sư phạm, họp chi bộ….

Đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm. Bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các điều kiện khác.

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đạt chất lượng cao về giáo dục. Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tạo điều kiện để mỗi học sinh có được cơ hội bình đẳng trong học tập, sinh hoạt, phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

**2. Mục tiêu cụ thể**

-Thông qua các môn học và hoạt động giáo dục hình thành cho học sinh các năng lực bao gồm: năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

- Thực hiên tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tăng cường nền nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường

- Tập trung nâng cao chất lượng đặc biệt

- Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, ý thức. trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các công văn hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; bảo đảm các điều kiện và triển khai dạy học ngoại ngữ, tin học theo CTGDPT 2018.

**2.1. Chất lượng đại trà:**

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng toàn trường tối thiểu đạt 99%, phân bổ như sau:

+ Khối 1: Tối thiểu đạt 97%;

+ Khối 2: Tối thiểu đạt 99 %;

+ Khối 3: Tối thiểu đạt 98%;

+ Khối 4: Tối thiểu đạt 98%;

+ Khối 5: Hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành về rèn luyện năng lực đạt tối thiểu 98 %.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành về rèn luyện phẩm chất đạt tối thiểu 01%.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình các môn học chuyên ngành (Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật, tiếng Anh) đạt 100%.

- Tỷ lệ chuyên cần đạt 100%.

***2.2. Chất lượng mũi nhọn***

- Giải toán trên Internet: + Cấp huyện: 08 học sinh; + Cấp tỉnh: 02 học sinh;

- IOE (Tiếng Anh trên Internet): + Cấp huyện: 08 học sinh; + Cấp tỉnh: 02 học sinh

***2.3. Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học***

- Tổ chức 9 hoạt động trải nghiêm cho 100% học sinh toàn trường theo chủ đề từng tháng;

-100% học sinh lớp 1, lớp 2,3,4 được học 2 buổi/ ngày (từ 7 buổi đến 9 buổi/ tuần);

- Nhà trường tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm và huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt. Khuyến khích 80-90% học sinh tham gia trải nghiệm ngoài nhà trường 1 lần/năm học.

- Đảm bảo giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện cho 100% học sinh được học và học được.

- Phát triển hình thức sinh hoạt câu lạc bộ theo năng khiếu và sở thích của học sinh ở các lĩnh vực: thể thao, ngoại ngữ

- Vở sạch chữ đẹp cấp trường đạt 60 em trở lên, cấp huyện 20 em trở lên, cấp tỉnh 10 em trở lên.

- IOE cấp trường 10 em, cấp huyện 05 em, tỉnh đạt 03 em

- Volymic Toán tiếng việt, tiếng Anh cấp trường 20 em, cấp huyện 10 em, cấp tỉnh 05 em, Quốc gia: 01 em

- Hội thi sáng tạo nhi đồng cấp trường 5 em, cấp huyện 2 em, cấp tỉnh 1 em

- Giao lưu toán Olymic Toán tuổi thơ cấp trường 06 em, cấp huyện 02, cấp tỉnh 01em

**2.4 Khen thưởng học sinh cuối năm học**

Chỉ tiêu đặt ra50 % học sinh trở lên được khen thưởng, trong số đó:

+ 15% học sinh “hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện”;

+ 35% học sinh “có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất”.

**2.5 Tổ chức và tham gia các hoạt động giáo dục**

- Vở sạch chữ đẹp:

+ Cấp trường: 100% các lớp tham gia phong trào Giữ vở sạch, viết chữ đẹp cấp trường và duy trì tốt việc rèn chữ, giữ vở của học sinh.

+ Cấp huyện: 15 học sinh trở lên được công nhận danh hiệu Học sinh viết chữ đẹp cấp huyện, cấp tỉnh 17 em. 3- 4 giáo viên được công nhận cấp huyện.

- Tổ chức 05 chủ đề hoạt động trải nghiệm quy mô cấp trường (tập trung vào Tổ chức Lễ hội Trung thu; Hoạt động chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Hoạt động chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam; Ngày Hội quốc phòng toàn dân; Hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Đoàn 26/3; Hoạt động chào mừng kỷ niệm chiến thắng 30/4, Quốc tế Lao động 1/5 và Ngày sách Việt Nam) với sự tham gia của 100% học sinh và giáo viên.

- 100% các lớp có học sinh tham gia các vòng tự luyện các cuộc thi Violympic Toán, Tiếng Anh các cấp, Giao lưu Tiếng Việt của chúng em cho học sinh dân tộc thiểu số các cấp và các cuộc giao lưu khác do các cấp tổ chức.

- Có 02 HS trở lên tham gia cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng cấp huyện, cấp tỉnh 1 em.

- Tham gia tích cực và có từ 03- 05 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề cấp trường: 02 chuyên đề với 16 nội dung. 9 chuyên đề/tổ chuyên môn/năm học.

**IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

**1. Thực hiện chương trình giáo dục**

**1.1. Kế hoạch chung**

Căn cứ Khung phân phối chương trình giáo dục hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của tổ chuyên môn, Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học  Khối lớp 1 và lớp 2 như sau: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm, với thời lượng 28 tiết/tuần.

Khối 3: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm, Tiếng Anh, Tin học với thời lượng 32 tiết/tuần.

Khối 4: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm, Tiếng Anh, Tin học với thời lượng 32 tiết/tuần

Khối lớp 5 thực hiện dạy học đủ tiết theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05 thàng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông). Các tiết học tăng thời lượng (dạy 2 buổi/ngày) ở các khối lớp được bố trí như sau:

Tiết Giáo dục kỹ năng sống ở tất cả các khối lớp: Sử dụng tài liệu Kỹ năng sống và giá trị sống của  PGS. TS. Trần Thị Lệ Thu và bộ tài liệuVăn hóa giao thông do Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Nhà trường dựa trên hướng dẫn dạy kỹ năng sống cho học sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục - Đào tạo để dạy kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước. Ngoài ra, nhà trường sẽ thực hiện lồng ghép các nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sử dụng bộ tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trong các môn học như Đạo đức, Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử, Địa lý một các phù hợp.

Tăng cường dạy học Tiếng Việt và Toán đối với khối lớp 1,2,3,4 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**2. Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày**

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở các khối lớp 1,2, 3, 4 mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần có 7buổi/ 28 tiết đối với lớp 1,2; có 9 buổi/32 tiết/tuần đốivới 3,4; 06 buổi/28 tiết đối với lớp 5

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

Các hoạt động giáo dục trong giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Đảm bảo các điều kiện về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường học tập, sinh hoạt để tổ chức hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục.

**3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá**

**3.1** Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học heo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

+ Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật biệu đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình thực hành, thí nghiệm. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

+ Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên Mỹ thuật chủ động sắp xếp bày dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chât cho học sinh; tham gia tích cực  Hội thảo chuyên môn cụm trường.

**3.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống:**

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; đảm bảo điều kiện vệ sinh tập luyện và tuyệt đối an toàn về tính mạng cho trẻ em, học sinh trong quá trình học bơi; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh… vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện lưu động, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

**3.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:**

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học. Nhà trường, chuyên môn, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

**\* Đối với học sinh lớp 1, 2,3,4:** Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cần chú ý:

- Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Năng lực cốt lõi:

+ Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

**\* Đối với học sinh lớp 5:** Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học,  nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi quá trình học tập của học sinh; bảo mật và lưu trữ an toàn dữ liệu.

**4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm**

Tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lí học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp…Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

**5. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục** *(Phụ lục 1.1)*

**Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

*(Kết hợp Chương trình GDPT 2006 và GDPT 2018)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | |
| Tổng | HK1 | | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 |
|  | **Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 144 | | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 70 | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Lịch sử và Địa lý |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Khoa học |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | GDTC/Thể dục | 70 | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 8 | Công nghệ và tin học |  |  | |  |  |  |  | 70 | 36 | | 34 | 70 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 9 | Âm nhạc | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 10 | Mỹ thuật | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 11 | HĐTN/HĐGD | 105 | 54 | | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | | 51 | 105 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 12 | Giáo dục ngoài giờ lên lớp |  |  | |  |  |  |  | Thực hiện 4 tiết /tháng | | | | | | | | | |
| 13 | Tiếng Anh (lớp 3,4,5) |  |  | |  |  |  |  | 140 | | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 105 | 54 | 51 |
| 14 | Tin học & CN (lớp 3,4,5) |  |  | |  |  |  |  | 70 | | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |
| **Hoạt động củng cố tăng cường** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Tiếng Việt (củng cố) | 105 | | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | *34* | 35 | 18 | 17 |  |  |  |
| 6 | Toán (củng cố) | 0 | | 0 | 0 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | *34* | 35 | 18 | 17 |  |  |  |
| **TỔNG** | |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bình quân số tiết/tuần** | | 28/tuần  7 buổi | |  |  | 28/tuần  7 buổi |  |  | 32/  tuần  9 buổi |  | |  | 32/  tuần 9 buổi |  |  | 28/  tuần  6 buổi |  |  |

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học*(Phụ lục 1.2)*

**Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề** | **Nội dung giáo dục trọng tâm** | **Các hoạt động chủ yếu** | **Người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Đối tượng thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| **9** | **Mái trường thân yêu của em** | - Giáo dục về truyền thống nhà trường, về nội quy trường lớp,  -Giáo dục sức khỏe học đường, ATGT  -Vui Trung Thu | - Giới thiệu, giáo dục về truyền thông nhà trường cho HS. Dạy các bài hát về trường lớp, thầy cô và bạn bè. Triển khai một số trò chơi dân gian, trò chơi sinh hoạt tập thể có thể chơi trong trường học, trang trí trường lớp. | Tổng phụ trách, anh chị phụ trách-GVCN | **Tuần 1** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức lễ Khai giảng; phát động tháng cao điểm ATGT cho học sinh đến trường. | TPT, anh chị phụ trách | **Tuần 3** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe học đường; phòng chống dịch bệnh Covid  - Tổ chức Ngày hội Vui Trung thu cho học sinh | TPT Đội, GVCN | **Tuần 4** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **10** | Vòng tay bạn bè | - Giáo dục tình cảm bạn bè,  - Giáo dục lòng nhân ái, nhân đạo;  - Giáo dục bảo vệ môi trường | - Xây dựng các nhóm bạn cùng tiến; dạy các bài hát về tình cảm bạn bè, các trò chơi tập thể để xây dựng tình cảm bạn bè, sự doàn kết.  - Tổ chức hoạt động quyên góp giúp đỡ HS có HCKK | TPT Đội, GVCN | **Tuần 5** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| Tích hợp giáo dục tình yêu thương bao la của Bác đối với con người. | TPT Đội | **Tuần 6** | Khối 4,5 | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tuyên truyền BVMT, tổ chức hoạt động dọn vệ sinh, chăm sóc cây hoa trong vườn trường. | TPT Đội, GVCN | **Tuần 7** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **11** | **Biết ơn thầy, cô giáo** | - Giáo dục lòng kính trọng và biết ơn thầy, cô giáo; | - Tuyên truyền, giáo dục về truyền thống Ngày Nhà giáo Việt Nam, lòng biết ơn thầy, cô. | TPT, GVCN | **Tuần 8** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Giáo dục ý thức giữ gìn môi trường “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn”  - Giáo dục SKHĐ | TPT, GVCN | **Tuần 9** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Triển khai dạy một số bài hát về mái trường, thầy cô và bạn bè, về Đội | TPT, GVCN | **Tuần 10** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tập một số trò chơi dân gian, trò chơi sinh hoạt tập thể | TPT, GVCN | **Tuần 11** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **12** | **Uống nước nhớ nguồn** | - Giáo dục lòng tự hào và biết ơn đối với những người đã ngã xuống vì độc lập tự do của Tổ quốc.  - Giáo dục sức khỏe | - Tuyên truyền giáo dục về truyền thống cách mạng của dân tộc, những gương hi sinh cho độc lập của đất nước,….  - Tuyên truyền giáo dục sức khỏe để học tập, kiến thiết và bảo vệ đất nước | TPT, GVCN | **Tuần 12** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Kết hợp với Chi đoàn, Liên Đội tổ chức hoạt động chăm sóc các khu tưởng niệm liệt sĩ, giáo dục truyền thống. | TPT | **Tuần 13** |  | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| Tuyên truyền dưới cờ về phòng chống cháy nổ |  | **Tuần 14** |  | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **1** | **Ngày tết quê em** | Giáo dục truyền thống dân tộc | - Tuyên truyền giáo dục về Ngày học sinh sinh viên 9/1, truyền thống yêu nước của dân tộc | TPT, GVCN | **Tuần 15** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Giáo dục cho học sinh các phong tục, tập quán đẹp của dân tộc trong dịp Tết. | TPT, GVCN |  | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| Giáo dục VSATTP, ATGT, PCCN, dịch bệnh covid | TPT, GVCN | **Tuần 16** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức quyên góp phát quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết Nguyên Đán | TPT | **Tuần 17** | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Triển khai một số bài dân ca 3 miền, trò chơi dân gian, sinh hoạt tập thể phù hợp với ngày tết. | TPT Đội-TDTT, CLB Trò chơi | **Tuần 18** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **2** | **Em yêu Tổ quốc Việt Nam** | Giáo dục tình yêu đối với quê hương, đất nước | - Giớí thiệu cho HS về hình ảnh, truyền thống, thành tựu, con người Việt Nam để giáo dục tình yêu quê hương, đất nước. | TPT Đội, NV Y , tế GVCN | **Tuần 19** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Giới thiệu về Đảng CSVN (ngày thành lập, ý nghĩa, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc). | **Tuần 20** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - GDSK học đường | **Tuần 21** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Dạy một số trò chơi dân gian, bài hát dân ca ca ngợi quê hương, đất nước. | **Tuần 22** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **3** | **Yêu quý mẹ và cô giáo; Tiến bước lên Đoàn** | Giáo dục tình cảm yêu quý đối với bà, mẹ, cô giáo, chị em gái; tôn trọng, thân thiện , đoàn kết với các bạn gái | - Giớí thiệu cho học sinh về Quốc tế phụ nữ 08/3  - Giớí thiệu một số nhân vật phụ nữ tiêu biểu trong lịch sử dựng nước, giữ nước, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  - Tổ chức giáo dục tình cảm yêu mến đối với mẹ và cô giáo. | TPT, GVCN | **Tuần 23** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Dạy một số bài hát về mẹ và cô, ca ngợi người phụ nữ.  - Tổ chức Ngày Hội thiếu nhi vui khỏe | TPT, GVCN | **Tuần 24** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tuyên truyền, giáo dục về truyền thống Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh. | TPT, GVCN | **Tuần 25** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **4** | **Hòa bình và hữu nghị** | - Giáo dục tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc, các quốc gia trên thế giới  - Hiểu biết và tự hào về chiến thắng 30-4-1975. | - Tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục về tình đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc, quốc gia, ý nghĩa của hòa bình. | TPT, GVCN | **Tuần 26** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức hoạt động trong Ngày sách Việt Nam – Hoạt động đọc sách toàn trường | TPT, GVCN | Tuần 27 | Khối 4,5 | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức cho HS tham gia Giao lưu Tiếng Việt của chúng em cho HS dân tộc thiểu số (nếu có). | CM, TPT, TKT, GVCN | **Tuần 28** | Đội tuyển HSDT | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Dạy một số bài hát ca ngợi hòa bình, tình đoàn kết....  - Triển khai một số trò chơi dân gian, SHTT | TPT, GVCN | **Tuần 29** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe, vệ sinh,…trong giai đoạn giao mùa. | TPT, Nhân viên y tế, GVCN | **Tuần 30** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| **5** | **Bác Hồ kính yêu** | - Giáo dục tình cảm kính yêu Bác Hồ,  - Giáo dục ý thức đội viên Đội TNTP HCM | - Tổ chức tuyên truyền giáo dục về Ngày sinh Bác Hồ, Ngày thành lập Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. | TPT, GVCN | **Tuần 31** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Phối hợp với Chi đoàn, Liên Đội tổ chức Đại hội cháu ngoan Bác Hồ | TPT | **Tuần 32** | HS/Đội viên tiêu biểu | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Giáo dục sức khỏe -phòng chống đuối nước. | TPT, NV Y tế, GVCN | **Tuần 33** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| - Tổng kết năm học, phối hợp với Đoàn thị trấn tổ chức bàn giao học sinh về địa phương. | BGH, TPT | **Tuần 34** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |
| Tổng kết các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp | CM, TPT | **Tuần 35** | 100% khối lớp | Hiệu trưởng, PHT, TPTĐ, GV, HS |

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường*(Nhà trường không tổ chức bán trú)*

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường**

Nhà trường chỉ có 01 điểm trường, do đó mọi hoạt động đều được tổ chức tập trung tại điểm trường tuỳ theo quy mô của từng hoạt động.

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

**4.1. Quy định thời gian trong năm học**

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ- UBND, ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về “*Quyết điịnh ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên”*

Ngày tựu trường: Thứ Hai, ngày 21/8/2023 đối với HS khối 1; Ngày 28 tháng 8 đối HS khối 2-5

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023.

Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2023 đến trước ngày 14/01/2024 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 25/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Trước ngày 31/5/2023.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn…).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, nhà trường có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có kế hoạch dạy học riêng…)

**4.2. Quy định thời gian biểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Buổi sáng** | |
| Vào học | 7 giờ 15 phút |
| Sinh hoạt đầu giờ ( 15 phút) | 7 giờ15 phút - 7 giờ 30 phút |
| Tiết 1 | 7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút |
| Tiết 2 | 8 giờ 10 phút – 8 giờ 45 phút |
| Tiết 3 | 8 giờ 50 phút - 9 giờ 25 phút |
| Ra chơi ( 15 phút) | 9 giờ 25 phút - 9 giờ 40 phút |
| Tiết 4 | 9 giờ 40 phút - 10 giờ 15 phút |
| Tiết 5 | 10 giờ 20 phút – 10 giờ 55 phút |
| **Buổi chiều** | |
| Vào học | 13 giờ 15 phút |
| Sinh hoạt đầu giờ( 15 phút) | 13 giờ 15 phút - 13 giờ 30 phút |
| Tiết 1 | 13 giờ 30 phút - 14 giờ 5 phút |
| Tiết 2 | 14 giờ 10 phút - 14 giờ 45 phút |
| Tiết 3 | 14 giờ 50 phút - 15 giờ 25 phút |
| Ra chơi ( 20 phút) | 15 giờ 25 phút - 15 giờ 40 phút |
| Tiết 4 | 15 giờ 40 phút - 16 giờ 15 phút |
| Tiết 5 | 16 giờ 20 phút – 16 giờ 55 phút. |

4.3. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp *(Phụ lục 2)*

**Bảng phân phối chương trình lớp 1- Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | **216** |
| Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Tổng số tiết bắt buộc/tuần | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **450** |
| Tăng cường Tiếng Việt | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 54 |
| **TS tiết/tuần** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **504** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 1- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn / Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng môn** |
| Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | **204** |
| Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Tổng số tiết bắt buộc/tuần | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **425** |
| Tăng cường Tiếng việt | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Tổng số tiết/tuần | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **476** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 2- Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 180 |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 90 |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| HĐGD bắt buộc  ( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Tổng số tiết bắt buộc/tuần | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **450** |
| Tăng cường Tiếng Việt | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tăng cường Toán | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| TS tiết/tuần | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **476** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 2- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn / Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng môn** |
| Tiếng Việt | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | **170** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 85 |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| HĐGD bắt buộc  ( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **425** |
| Tăng cường Toán | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 17 |
| Tăng cường Tiếng việt | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 34 |
| Tổng số tiết/tuần | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **476** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 3 - Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **126** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **90** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| TNXH | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Công nghệ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Tăng cường Tiếng việt | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tăng cường Toán | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tổng số tiết/tuần | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **576** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 3 - Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **119** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **85** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| TNXH | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Công nghệ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Tăng cường Tiếng việt | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Tăng cường Toán | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Tổng số tiết/tuần | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **576** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 4 - Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 7 | 7 |  | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **126** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **90** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| LS và ĐL | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Khoa học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| Tin học và Công nghệ | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Tiết tăng cường toán +TV | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tổng số tiết/tuần | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **576** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 4- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | **136** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **85** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| LS và ĐL | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Khoa học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| Tin học và Công nghệ | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| HĐGD bắt buộc( HĐTN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Tiết tăng cường toán +TV | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Tổng số tiết/tuần | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | **32** | 32 | 32 | 32 | 32 | **544** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 5 - Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | **144** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **90** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| LSĐL | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Khoa học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật (Âm nhạc+ MT) | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Kĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tiếng Anh | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tổng số tiết/tuần | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **476** |

**Bảng phân phối chương trình lớp 5- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | **136** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **85** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| LSĐL | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Khoa học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật (Âm nhạc+ MT) | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Kĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tiếng Anh | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Tin học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Tổng số tiết/tuần | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **476** |

**V. Giải pháp thực hiện**

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Phát huy hết nội lực về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường; Rà soát để đề xuất bổ sung về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn thiếu so với quy định;

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về Quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các văn bản quy định khác có liên quan;

- Thực hiện tốt công tác vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường nhưng phải bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng.

2. Thực hiện công tác đội ngũ: Thực hiện tốt công tác rà soát và tham mưu điều chỉnh biên chế đội ngũ đảm bảo đúng, đủ về số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, …

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn được hướng dẫn tại Công văn số 892/SGDĐT-GDTH, ngày 07/7/2020 về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Theo đó, xây dựng kế hoạch và tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo cấp trường và cấp cụm trường *(kể cả khi sử dụng phương án dạy học trực tuyến)*; tham gia giáo viên cốt cán cấp tỉnh, cấp huyện để hỗ trợ kịp thời các giáo viên hoàn thành nội dung tập huấn, đồng thời áp dụng linh hoạt hiệu quả trong công tác dạy học, tránh việc hình thức, áp dụng máy móc, rập khuôn.

- Các tổ chuyên môn xây dựng chuyên đề sinh hoạt để khắc sâu, hiểu bản chất các Mô đun đã được tập huấn *(Tổng quan về thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; Đổi mới phương pháp đánh giá nhằm phát triển năng lực phẩm chất học sinh)*. Tổ chức kiểm tra, tư vấn, hỗ trợ để 100% giáo viên đều hiểu sâu, hiểu bản chất và áp dụng hiệu quả trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức nghiên cứu tài liệu Mô đun 4 về “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh”, triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 426/PGD&ĐT, ngày 07/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

4. Nghiêm túc triển khai thực hiện Công văn số 543/ PGD&ĐT ngày 06/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc hướng dẩn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2023-2024

**VI. Tổ chức thực hiện**

1. **Công tác quản lý, chỉ đạo**

Để việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường cũng như kế hoạch giáo dục năm học 2020-2021 đạt hiệu quả, yêu cầu bộ phận chuyên môn, các giáo viên, nhân viên tổ chức nghiên cứu và thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra theo nhiệm vụ được phân công, đồng thời đảm bảo sự phân cấp trong quản lí, chỉ đạo, gắn với trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhà trường, cụ thể:

1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng tổ chức chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo về nội dung, quy trình với sự tham gia của các bên liên quan.

- Hiệu trưởng quản lý nội dung, chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục, đảm bảo không vi phạm các quy định về dạy thêm – học thêm của Bộ GDĐT và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

- Tổ chức chỉ đạo xây dựng thời khóa biểu học 2 buổi/ngày, phân công giáo viên và nhân viên hợp lý để thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày; đảm bảo các hoạt động chung của nhà trường đúng với mục tiêu giáo dục của cấp học; thống nhất nội dung dạy, huy động các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và ngoài xã hội cùng tham gia hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

- Biên chế lớp học phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế (đối tượng học sinh, nhu cầu học tự chọn,…)

- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên, Kiểm tra nội bộ.

- Tham mưu cơ quan quản lí các cấp để:

+ Đầu tư bổ sung kinh phí cho đầu tư trang thiết bị dạy học và tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp.

**-** Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng sư phạm, thành lập tổ chuyên môn; phân công công tác chủ nhiệm và phụ trách giảng dạy môn học cho giáo viên phù hợp với khả năng chuyên môn, đảm bảo định mức tiết dạy theo quy định. Phân công giáo viên dạy lớp 3 năm học 2022-2023.

- Tổ chức đánh giá cán bộ quản lí theo Thông tư số 14/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng chuẩn. Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Xây dựng và triển khai thực hiện bộ tiêu chí chi tiết về đánh giá, phân loại viên chức.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền giáo dục trong tập thể sư phạm, học sinh và cộng đồng, đặc biệt về Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng :

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công. Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Hiệu trưởng và ý kiến tham gia của các bên liên quan hoàn thiện bản kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng thời khóa biểu, sắp xếp phòng học dạy học 2 buổi/ngày, tham mưu nội dung dạy học các tiết tăng cường/mở rộng, tổ chức các hoạt động giáo dục, cùng Hiệu trưởng quản lý nội dung và chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục, đảm bảo không vi phạm các quy định về dạy thêm – học thêm của Bộ GDĐT và Ủy ban nhân dân huyện.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch năm học, bao gồm kế hoạch hoạt động của tổ và kế hoạch giảng dạy.

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch năm học trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn và tình hình thực tế của mỗi lớp về điều kiện học tập của học sinh, yêu cầu chương trình dạy học các môn, điều kiện nhà trường, …Xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn, bao gồm kế hoạch giảng dạy theo quy định của chương trình, kế hoạch giảng dạy từng bài học

- Trực tiếp tham mưu, lựa chọn giáo viên cốt cán tham gia tập huấn và triển khai tập huấn tại nhà trường về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 4.

- Tổ chức, chỉ đạo giáo viên và nhân viên để thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày; đảm bảo các hoạt động chung của nhà trường đúng với mục tiêu giáo dục của cấp học; thống nhất nội dung dạy, huy động các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và ngoài xã hội cùng tham gia hỗ trợ thực hiện kế hoạch. Định kỳ báo cáo với Hiệu trưởng và phòng GDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch giảng dạy của nhà trường.

- Phụ trách công tác kiểm tra Hoạt động sư phạm tổ chuyên môn, Hoạt động sư phạm nhà giáo, Kiểm tra lớp học, học sinh để đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của các tổ khối chuyên môn và của giáo viên.

- Trực tiếp chỉ đạo hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ khối chuyên môn trong trường, tham gia sinh hoạt theo cụm trường tiểu học; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học cho giáo viên.

- Tổ chức tốt hoạt động sinh hoạt chuyên môn chuyên đề, viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong nhà trường đặc biệt chú trọng hình thức nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và viết sáng kiến theo tổ nhóm chuyên môn nhằm động sự tham gia của cả tập thể vào việc đề xuất ý tưởng trong cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Tham mưu tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường và tổ chức lựa chọn giáo viên tham gia các Hội thi này ở cấp huyện, tỉnh góp phần xây dựng phong trào thi đua Dạy tốt, học tốt.

- Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Kiểm định chất lượng, Phổ cập giáo dục tại đơn vị;

- Trực tiếp chỉ đạo Tổng phụ trách xây dựng Kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện các hoạt động phong trào trong nhà trường, xây dựng nền nếp sinh hoạt và học tập của học sinh/đội viên/sao nhi đồng.

1.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Chủ động tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuyên môn của tổ, tăng cường sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng năng lực giáo viên; thực hiện tốt các nội dung sinh hoạt chuyên đề; tổ chức cho giáo viên trong tổ xây dựng tốt các nội dung giáo dục liên môn.

- Thực hiện kiểm tra, giúp đỡ giáo viên hoàn thành chỉ tiêu phấn đấu.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của giáo viên trong tổ; trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo hoạt động dạy học của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh trong tổ khối;

- Làm tốt công tác tham mưu, báo cáo, phản hồi về các hoạt động chuyên môn của tổ.

1.4. Trách nhiệm của Tổng phụ trách:

- Chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động của nhà trường và Chương trình hoạt động Đội trong năm học, Chủ động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các phong trào thiếu niên, nhi đồng trong nhà trường; xây dựng các nội dung giáo dục, các hoạt động sinh hoạt tập thể, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa quy mô cấp trường với sự tham gia của các bên liên quan và tổ chức thực hiện theo kế hoạch.

- Tổ chức tốt các hoạt động của Đội Cờ đỏ, phân công lớp trực tuần, giám sát nề nếp sinh hoạt và tổng hợp đánh giá thực hiện nền nếp của các lớp/Chi đội/Lớp nhi đồng;

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn làm tốt công tác tuyên

truyền, giáo dục học sinh, rèn luyện kỹ năng sống cho các em.

1.5. Trách nhiệm của giáo viên:

- Chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, kế hoạch giáo dục, kế hoạch giảng dạy của trường, tổ chuyên môn.

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường và Kế hoạch của tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch giáo dục sát với đối tượng học sinh của lớp phụ trách, nội dung kiến thức của từng môn học đảm bảo vừa sức với học sinh; tôn trọng nội dung dạy học và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch.

- Đảm bảo giờ giấc dạy học, giáo dục (dạy đủ thời lượng trên lớp theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch).

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên theo chương trình, tự học qua tài liệu và trê internet, qua đồng nghiệp,...

- Tổng kết kinh nghiệm, tham gia ý kiến ý kiến cải tiến chuyên môn.

- Báo cáo với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ chuyên môn về việc thực hiện kế hoạch, kịp thời phản ánh những khó khăn vướng mắc để bàn bạc giải quyết.

1.6. Trách nhiệm của nhân viên:

- Chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng, thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục của trường.

- Phối hợp với Tổng phụ trách, giáo viên và các đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến nội dung chăm sóc, giáo dục, đảm bảo chế độ, chính sách cho học sinh (tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích học đường,…; thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, chế độ miễn giảm chi phí học tập,…); chuẩn bị các điều kiện, yêu cầu cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động thư viện, hoạt động giáo dục ngoại khóa, trang thiết bị dạy học,….) .

**2. Công tác kiểm tra, giám sát**

Hiệu trưởng tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát bằng Kế hoạch kiểm tra nội bộ. Hoạt động kiểm tra giám sát được phân công cụ thể cho từng bộ phận, thành viên có chức năng, nhiệm vụ liên quan. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua các hình thức báo trước, không báo trước (khi có dấu hiệu vi phạm hoặc thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của Hiệu trưởng), tự kiểm tra với các phương pháp thăm lớp, dự giờ; kiểm tra hồ sơ chuyên môn; tiếp nhận phản ánh từ giáo viên, học sinh, phụ huynh…

- Thông qua kết quả kiểm tra, nhà trường sẽ có được những đánh giá khách quan, chính xác để tư vấn, khuyến nghị với tổ chuyên môn, giáo viên về các nội dung liên quan đến hoạt động giảng dạy, giáo dục, từ đó có thể điều chỉnh kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục, ban hành các quyết định phù hợp trong điều hành hoạt động của nhà trường.

**3. Chế độ thông tin, báo cáo**

Thực hiện đúng chế độ thông tin, báo cáo. Lãnh đạo nhà trường tổ chức hoạt động thông tin thông qua họp hội đồng sư phạm, Hội nghị cán bộ, viên chức, thông qua bảng kế hoạch hàng ngày và trên hệ thống thông tin điện tử; thông qua đánh giá sơ kết, tổng kết. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lí theo chế độ định kỳ và thường xuyên theo nội dung công việc.

Các tổ chuyên môn, giáo viên và nhân viên thực hiện chế độ báo cáo với Hiệu trưởng thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn, báo cáo định kỳ và báo cáo khi có sự thay đổi,… Thực hiện nghiêm túc chế độ liên hệ, phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội. Thường xuyên thông tin đến phụ huynh học sinh về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh thông qua hệ thống tin nhắn trê hệ thống thông tin điện tủ, qua điện thoại, gặp trực tiếp tại nhà trường.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường Tiểu học Trần Hưng Đạo năm học 2023-2024, cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bộ phận trong nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả kế hoạch này. Kế hoạch này có kèm theo Kế hoạch bảng tổng hợp kế hoạch dạy học cụ thể ( Phụ lục 2, phụ lục 4.1)

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch sẽ có điều chình, bổ sung nếu có những trường hợp phát sinh theo thực tế.

***Nơi nhận :***   **HIỆU TRƯỞNG**

- PGD-ĐT (báo cáo);

- Hiệu trưởng (c/đ);

- Các TTCM (thực hiện);

- Các giáo viên (t/h);

- BCH Công đoàn (p/h);

- BCH Chi đoàn (p/h)

- BĐD CMHS (p/h);

- Lưu: VT, CM.

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**